TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI LĂNG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày 19 -11- 2019
"Tranh chấp hợp đồng tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Khánh.
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
Ông Nguyễn Dư Chánh.
Ông Nguyễn Trung Văn.
Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ánh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2019/TLST- DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/ QĐST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố 3, phường 1, thị xã Qu, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Bị đơn: Ông Văn S, bà Huỳnh Thị Kim Ph; cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (ông S, bà Ph đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2019 và tại các phiên hòa giải, biên bản làm việc, cũng như tại phiên tòa, bà Trần Thị H trình bày:

Vào ngày 20/4/2015, vợ chồng ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim Ph vay của bà Trần Thị H 02 lần với số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 23 tháng (từ 20/4/2015 đến 20/3/2017). Tiếp đó, từ ngày 06/5/2015 đến 24/7/2016, ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim Ph vay của bà Trần Thị H thêm ba lần (vay không có thời hạn) cụ thể như sau: Ngày 06/5/2015, vay 100.000.000đồng; ngày 28/6/2016 vay 150.000.000đồng và ngày 24/7/2016, vay 200.000.000đồng. Tổng số tiền mà ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim Ph vay của bà Trần Thị H là 550.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 0.9%/năm. Do ông S thường đi

làm ăn xa nên các bên thống nhất để lại một khoảng trống ở phần dưới của giấy vay tiền ghi ngày 20/4/2015 để lúc nào ông S, bà Ph có nhu cầu vay thêm tiền thì ghi tiếp nội dung vay tiền vào phần trống này. Các lần vay vào ngày 20/4/2015 (vay lần thứ hai của ngày 20/4/2015), ngày 06/5/2015, ngày 28/6/2016 và ngày 24/7/2016 do bà Ph tự tay ghi thêm vào giấy mượn tiền ngày 20/4/2015. Hai bên thỏa thuận đến ngày 20/3/2017, ông S, bà Ph trả cho bà H hết số tiền gốc đã vay và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận. Tuy nhiên, từ ngày vay đến nay, ông S, bà Ph chỉ mới trả cho bà H 32.000.000đồng tiền lãi. Nay, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông S, bà Ph phải trả cho bà H số tiền gốc là 550.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Tại các phiên hòa giải và biên bản làm việc: Bà H thừa nhận tại giấy vay tiền ngày 20/4/2015, có nội dung:"Ngày 20/4/2015 mượn thêm 100.000.000 đồng, ngày 06/5/2015 mượn thêm 100.000.000 đồng, ngày 28/6/2016 mượn thêm 150.000.000 đồng và ngày 24/7/2016 mượn thêm 2000.000.000 đồng" là do bà H tự viết thêm khi ông S và bà Ph vay thêm tiền của bà H.

Tại phiên tòa, bà H trình bày: Nếu cộng tất cả các lần vay tại giấy vay tiền thì số tiền mà ông S, bà Ph vay của bà H là 650.000.000đồng. Tuy nhiên, khoản vay lần thứ hai của ngày 20/4/2015 với số tiền 100.000.000đồng, mặc dù ghi chung với giấy mượn tiền nhưng khoản vay này là do bà Ph vay riêng nên bà H không yêu cầu ông S và bà Ph phải trả khoản này. Bà Trần Thị H chỉ yêu cầu ông S và bà Ph phải có nghĩa vụ trả cho bà H tổng số tiền là 550.000.000đồng.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 25/9/2019, các phiên hòa giải ngày 25/9/2019 và ngày 15/10/2019, ông Văn S trình bày: Ông S thừa nhận vợ chồng ông có vay của bà H số tiền 100.000.000đồng như nội dung ở phần trên của giấy vay tiền ghi ngày 20/4/2015 mà bà H đã nộp cho Tòa án, nhưng vợ chồng ông đã trả hết số tiền gốc và lãi của khoản vay này cho bà H, nếu bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả nợ thì phải có một giấy vay tiền khác,còn các nội dung "ngày 20/4/2015 mượn thêm 100.000.000đồng; ngày 06/5/2015 mượn thêm 100.000.000đồng; ngày 28/6/2016 mượn thêm 150.000.000đồng; ngày 24/7/2016 mượn thêm 200.000.000đồng" do bà H tự ghi thêm vào giấy mượn tiền ngày 20/4/2015 thì ông S không chấp nhận vì vợ chồng ông không vay bà H các khoản này.

Đối với bà Huỳnh Thị Kim Ph, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà Ph vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu với nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 35, 39, 97, 171, 195, 196, 203, 208, 220, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và

Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn bà Trần Thị H đã thực hiện đầy đủ các thủ tục được quy định tại các Điều 70, 71, 227, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim Ph chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt ông S và bà Ph.

Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, buộc ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim Ph trả cho bà Trần Thị H 100.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 20/4/2015.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về yêu cầu ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim Ph trả số tiền 450.000.000đồng theo nội dung vay mượn mà bà H tự viết thêm vào giấy vay tiền ngày 20/4/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Ngày 20/4/2015, bà Trần Thị H và ông Văn S, bà Huỳnh Thị Kim Ph ký kết hợp đồng vay tài sản. Ngày 07/8/2019, bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim Ph trả cho bà H số tiền đã vay, nên xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Long H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị và vụ án không có yếu tố nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim Ph phải có nghĩa vụ trả nợ cho mình theo giấy vay tiền ngày 20/4/2015 nên xác định nguyên đơn là bà Trần Thị H, bị đơn là ông Văn S, bà Huỳnh Thị Kim Ph. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên, chỉ có nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với ông Văn S, trong quá trình giải quyết vụ án đã có bản trình bày ý kiến và đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất và phiên tòa lần thứ hai thì ông S vắng mặt không có lý do. Đối với bà Huỳnh Thị Kim Ph, qua xác minh tại Công an xã H, huyện H xác định được như sau: Bà Huỳnh Thị Kim Ph có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, nhưng hiện nay không còn sinh sống tại địa phương, hiện nay đi đâu, làm gì địa phương

không biết. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng. Ngoài ra, Tòa án còn thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà Huỳnh Thị Kim Ph vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim Ph.

[5]. Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy vay tiền đề ngày 20/4/2015 do bà Trần Thị H cung cấp và lời khai của các đương sự có đủ cơ sở khẳng định: Ông S, bà Ph có vay tiền của bà H, hai bên có lập giấy vay tiền là sự việc có thật. Khoản vay 100.000.000đồng vào ngày 20/4/2015 được ghi ở phần trên của giấy vay tiền có đầy đủ nội dung như ngày tháng vay, số tiền vay, thời hạn vay, có chữ ký của cả bên cho vay và bên vay xác định ngày vay của giấy vay tiền là ngày 20/4/2015, nên được xác định là hợp đồng vay tài sản có thời hạn theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự. Các bên tham gia ký kết hợp đồng đều phải có nghĩa vụ tôn trọng, thực hiện hợp đồng.

Các lần vay tiếp theo, do bà H tự ghi số tiền vay, ngày tháng vay đều sau mốc ngày 20/4/2015 và không được người vay thừa nhận nên không đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng. Hơn nữa, ông S chỉ thừa nhận vay của bà H số tiền vay gốc 100.000.000đồng. Xét các khoản vay này là do bà H tự ý ghi thêm trong giấy vay tiền và vượt ra ngoài phạm vi giấy vay tiền ghi ngày 20/4/2015 mà các bên đã ký kết. Quá trình giải quyết vụ án, bà H cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh việc ông S, bà Ph có vay thêm số tiền 450.000.000đồng này. Do đó, yêu cầu của bà H buộc ông Sơn, bà Ph phải trả cả khoản vay thêm 450.000.000đồng là không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, ông S còn khai đã trả cho bà H số tiền vay gốc 100.000.000đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền đã trả, bà H cũng không thừa nhận đã nhận 100.000.000đồng từ ông S, bà Ph nên lời khai của ông S về việc đã trả số tiền vay gốc theo hợp đồng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[6]. Bà Trần Thị H và ông Văn S thừa nhận trong quá trình vay mượn, ông S, bà Ph đã trả cho bà H 32.000.000 đồng tiền lãi phát sinh trên nợ gốc 100.000.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bên không có ý kiến gì về số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Trần Thị H, ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463; 466; 470 của Bộ luật dân sự năm

2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim Ph phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), theo giấy vay tiền đề ngày 20/4/2015.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc buộc ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim Ph phải trả cho bà Trần Thị H số tiền là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), theo giấy vay tiền đề ngày 20/4/2015 do bà H tự ghi thêm nội dung: Ngày 06/5/2015 mượn thêm 100.000.000 đồng, ngày 28/6/2016 mượn thêm 150.000.000đồng và ngày 24/7/2016 mượn thêm 200.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim Ph phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị H phải chịu 22.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.000.000đồng tại biên lai số 0006467 ngày 10/7/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Trị. Bà Trần Thị H còn phải nộp thêm 9.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA dân sự H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Khánh